

BÁO CÁO
Kết quả chấm điểm thi đua Cụm năm 2019
Đơn vị huyện Kiên Hải

Thực hiện số 809/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của UBND tỉnh về tổ chức hoạt động, bình xét thi đua và chia cụm, khối thi đua trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND, ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh ban hành quy định về công tác thi đua khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 1700/QĐ-C3 ngày 19/3/2019 của Cụm trưởng Cụm 3 về việc ban hành quy chế hoạt động và bình xét thi đua của Cụm thi đua số 3 năm 2019. Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải báo cáo kết quả chấm điểm thi đua cụm năm 2019 cụ thể từng nội dung như sau:

1. Nội dung 1. Thi đua phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao. Điểm chuẩn 650 điểm, điểm thưởng 40 điểm

a) Thi đua phát triển kinh tế - xã hội và cải cách hành chính, điểm chuẩn 450 điểm, điểm thưởng 40 điểm

Số T T	Nội dung thi đua	Đơn vị tính	Điểm chuẩn	Kết quả thực hiện			Điểm đạt
				Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	
1	Tổng thu ngân sách địa phương so KH của tỉnh giao	Tỷ đồng	40	10,900	11,609	106,5	42,6
2	Tỷ lệ giải ngân vốn ngân sách nhà nước các công trình XDCB so chỉ tiêu kế hoạch (ngân sách tỉnh giao)	%	35	10,581	9,825	97,98	34,3
3	Huy động trẻ từ 6-14 tuổi đến trường so trẻ em trong độ tuổi	%	25	98	99,28	101,3	25,32
4	Số lượng trường học (MN,TH,THCS) mới được công nhận đạt chuẩn quốc gia	Trường	25	01	01	100	25

	so với kế hoạch						
5	Tạo việc làm mới cho người lao động so kế hoạch	Người	25	400	452	113	27,5
6	Giảm tỷ lệ hộ nghèo so kế hoạch	%	30	< 1	0,08	Giảm 14 hộ	33
7	Thêm xã mới được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới hoặc nông thôn kiểu mẫu so kế hoạch	xã	30	01	01	100	30
8	Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng so kế hoạch	%	30	8,53	8,49	100,4	30,4
9	Số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế so kế hoạch	%	30	100	4/4	100	30
10	Tỷ lệ ấp, khu phố được công nhận danh hiệu văn hóa so với kế hoạch	%	30	84,6	84,6	100	30
11	Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh so kế hoạch	%	30	Trên 95%	98	103	30,09
12	Cất, sửa nhà tình nghĩa; nhà đại đoàn kết so kế hoạch + Cất, sửa nhà tình nghĩa + Cất, sửa nhà đại đoàn kết	Căn	30 20 10	4 2	3 19	75 110	15 11
13	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế so kế hoạch.	%	30	100	100	100	30
14	Thực hiện công tác cải cách hành chính (theo xếp hạng	Xếp	30				

	của UBND tỉnh) + Xuất sắc + Tốt + Khá	loại	30 20 10				20
15	Chấp hành đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ về UBND tỉnh theo quy định		30				30
Tổng							444,21

b. Thi đua thực hiện công tác Quốc phòng - An ninh và an toàn giao thông, điểm chuẩn 200 điểm.

Số TT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Kết quả thực hiện			Điểm đạt
			Giảm	Bằng	Tăng	
1	Công tác an ninh, trật tự:	30				
	- Giảm số vụ phạm pháp hình sự so năm trước;	15	15	8	0	15
	- Tăng số xã lành mạnh, không có tệ nạn xã hội về mại dâm, ma túy so năm trước.	15	15	8	0	8
2	An toàn giao thông: Giảm 5% số vụ tai nạn giao thông so với năm trước (<i>năm trước không có vụ nào, năm sau không có thì được hưởng điểm tối đa</i>).	30				
	- Giảm 5% số vụ tai nạn giao thông so với năm trước.	10	10	7	0	10
	- Giảm 5% số người chết TNGT so năm trước.	10	10	7	0	10
	- Giảm 5% số người bị thương TNGT so năm trước.	10	10	7	0	10
		Điểm chuẩn	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	Điểm đạt
3	Công tác quốc phòng:	30	100			
	- Hoàn thành chỉ tiêu công tác tuyên truyền so kế hoạch được giao;	10	Đạt	100	100	10
	- Công tác giáo dục kiến thức quốc phòng so kế hoạch được giao;	10	Đạt	100	112,5	11
	- Huấn luyện quân sự so kế hoạch được					

	giao.	10	Đạt	100	100	10
4	Tỷ lệ giải quyết khiếu nại, tố cáo đạt 85% trở lên.	30	85%	87.5	103	30,9
5	Trên địa bàn không xảy ra tham nhũng, lãng phí	30				30
6	Quản lý đất đai, không để xảy ra tranh chấp kéo dài (không có phát sinh mới)	25				25
7	Quản lý, bảo vệ môi trường (không để xảy ra ô nhiễm môi trường do thiếu trách nhiệm quản lý)	25				25
Tổng						194,9

2. Nội dung 2. Thi đua thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước và xây dựng hệ thống chính trị, điểm chuẩn 200 điểm

Số TT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Thực hiện	Điểm đạt
1	Tổ chức, nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước: + Tỷ lệ đảng viên, CBCC-VC (KH 98%) + Tỷ lệ triển khai ra các tầng lớp nhân dân (đoàn viên, hội viên: KH 80%)	30 15 15	99,29 82,56	15 15
2	Triển khai thực hiện quy chế dân chủ cơ sở: + 100% cơ quan đơn vị đăng ký thực hiện và kết quả cuối năm được BCD huyện xếp loại tốt. + 100% cơ quan đơn vị đăng ký thực hiện; kết quả cuối năm có đơn vị xếp loại khá. + 100% cơ quan đơn vị đăng ký thực hiện, kết quả cuối năm có đơn vị xếp loại trung bình.	30 30 20 10		30
4	Tổ chức đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.” + Có ban hành Kế hoạch + Có tổ chức triển khai Kế hoạch + Có báo cáo kết quả thực hiện	40 15 15 10		15 15

								10
STT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Kết quả thực hiện					Điểm đạt
			Kế hoạch		Thực hiện		Tỷ lệ	
5	Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh so Nghị quyết cấp ủy.	30						30
	Kết quả phân loại các tổ chức đoàn thể:	30		VM	Khá	TB	Yếu	Điểm đạt
	Kết quả phân loại MTTQ	5		5	4	2	0	5
	Kết quả phân loại Hội LHPN	5		5	4	2	0	4
	Kết quả phân loại Công đoàn	5		5	4	2	0	5
	Kết quả phân loại Đoàn TN	5		5	4	2	0	5
	Kết quả phân loại Hội Nông dân	5		5	4	2	0	5
	Kết quả phân loại Hội CCB	5		5	4	2	0	5
5	Hoạt động của HĐND cùng cấp đúng luật định, đạt hiệu quả cao:	40						
	- Tổ chức tốt các kỳ họp và ban hành Nghị quyết của HĐND đúng quy trình, đúng thẩm quyền và có tính khả thi.	8						8
	- Hoạt động giám sát, bảo đảm thực hiện tốt nghị quyết về chương trình giám sát theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả.	8						8
	- Hoạt động tiếp xúc cử tri:	8						8
	+ Phối hợp với UBND, UBMTTQ tổ chức tốt	4						4

các cuộc họp tiếp xúc cử tri. + Có 95% đại biểu HĐND tiếp xúc cử tri. + Có 90% các Tổ đại biểu HĐND họp Tổ sau tiếp xúc cử tri để phối hợp với UBND, UBMTTQ phân loại cho ý kiến, kiến nghị của cử tri. - Hoạt động tiếp công dân: Thực hiện tốt thông báo tiếp công dân của Thường trực HĐND. - Có chương trình, kế hoạch hoạt động, sơ tổng kết, giao ban với HĐND cấp dưới.	2					2
	2					2
	8					8
	8					8
Tổng						199

3. Nội dung 3. Thi đua thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng, điểm chuẩn là 100 điểm

Số TT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn	Thực hiện	Điểm đạt
1	- Triển khai kịp thời, đầy đủ các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng.	5		
	+ Triển khai kịp thời, có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của Hội đồng TĐKT tỉnh, huyện về công tác thi đua, khen thưởng.	2		2
	+ Có văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy.	3		3
2	+ Có quy chế công tác TĐKT và các văn bản chỉ đạo hướng dẫn về công tác TĐKT.	5		
	+ Hội đồng TĐKT được kiện toàn kịp thời và có quy chế hoạt động của Hội đồng.	5		5
	+ Hội đồng xét sáng kiến cơ sở được kiện toàn kịp thời mỗi khi có thay đổi và có quy chế hoạt động	5		5

	của Hội đồng.			
3	- Tổ chức, triển khai thực hiện phong trào thi đua:	15		
	+ Có kế hoạch triển khai và thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua do UBND, UBMTTQ, sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, huyện phát động.	5		5
	+ Phát động, triển khai có hiệu quả các phong trào thi đua thường xuyên, theo đợt, chuyên đề theo thẩm quyền, phù hợp địa phương (có kế hoạch, chủ đề, nội dung, tiêu chí cụ thể, tổ chức phát động, ký giao ước thi đua).	5		5
	+ Có sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả phong trào thi đua.	5		5
4	- Hưởng ứng các phong trào thi đua do tỉnh phát động (Tỉnh ủy, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh...)	15		
	+ Có xây dựng kế hoạch hàng năm (hoặc kế hoạch hưởng ứng hàng năm), hoặc văn bản hướng dẫn theo thẩm quyền phù hợp chức năng, nhiệm vụ và thực hiện có hiệu quả 03 phong trào thi đua “Chung sức xây dựng nông thôn mới”; PTTĐ “Chung tay vì người nghèo và công tác xã hội-từ thiện”; PTTĐ “Doanh nghiệp Kiên Giang hội nhập và phát triển”.	15		15
5	- Thực hiện công tác tuyên truyền về công tác TĐKT	10		
	+ Thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền về thi đua, khen thưởng.	5		5
	+ Có văn bản lãnh đạo, định hướng việc phát hiện, nhân rộng các điển hình tiên tiến (xây dựng kế hoạch và trong năm phát hiện được mô hình, điển hình mới được biểu dương, tuyên truyền).	5		5
6	- Thực hiện công tác khen thưởng:	15		
	+ Công tác thẩm định hồ sơ và trình khen thưởng đảm bảo công khai, minh bạch, chính xác, kịp thời và đúng thời gian quy định.	5		5
	+ Khen thưởng cho người trực tiếp lao động, công tác theo thẩm quyền đạt từ 65% trở lên so với tổng số cá nhân được khen thưởng trong năm.	3		3

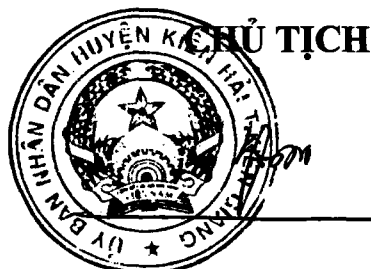
	+ Khen thưởng cho người trực tiếp lao động, công tác (được cấp tỉnh khen đạt từ 60% trở lên so với tổng số cá nhân được cấp tỉnh hoặc tương đương khen thưởng trong năm).	3		3
	+ Phát hiện khen thưởng theo thẩm quyền và đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng (khen đột xuất tập thể, cá nhân).	4		4
7	- Có kế hoạch và triển khai thực hiện kiểm tra về thi đua, khen thưởng: + Có báo cáo tự kiểm tra về công tác thi đua, khen thưởng. + Giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo đúng quy định và gửi kết quả Phòng Nội vụ (nếu có).	10		
		5		5
		5		5
8	- Tổ chức bộ máy và bố trí cán bộ làm công tác TĐKT; công tác tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ: + Bố trí đúng cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng theo quy định. + Cử cán bộ tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ do tỉnh, huyện tổ chức.	5		
		2		2
		3		3
9	- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo: + Nộp báo cáo định kỳ và đột xuất đầy đủ, đúng hạn theo quy định. + Nộp hồ sơ trình cấp trên khen thưởng kịp thời, đủ thành phần hồ sơ, đúng thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định.	10		
		5		5
		5		5
Tổng				100

Tổng số điểm ở 3 nội dung là: $(444,21 + 194,9) + 199 + 100 = 938,11$ điểm.

Trên đây là báo cáo kết quả chấm điểm thi đua Cụm năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải./.

Nơi nhận: *Luay*

- Thành viên chỉ đạo cụm;
- Ban Thi đua, Khen thưởng tỉnh;
- Thành viên Cụm 3;
- Lưu: VT.



Huỳnh Hoàng Sơn